TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 40/2019/DS - ST
Ngày: 29/11/2019.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 151/2019/TLST-DS ngày 08/7/2019, về việc: "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐST-DS, ngày 11 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2019/QĐST-DS ngày 25/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh A, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Bùi D và chị Nguyễn O. (Vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn A, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Ngày 03/7/2019 nguyên đơn Anh A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Anh Bùi D và chị Nguyễn O trả cho Anh A 120.000.000đ tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật với các tình tiết như sau:

Vào khoảng tháng 01 năm 2018, Anh Bùi D và chị Nguyễn O có vay của Anh Asố tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Khi vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Do tin tưởng nên hai bên không viết giấy vay tiền. Khi vay, anh D và chị O hẹn tháng 12 năm 2018 sẽ trả đủ số tiền đã vay là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) cho anh A . Đến hạn trả nợ, Anh Ađã nhiều lần đến nhà yêu cầu Anh Bùi D và chị Nguyễn O trả nợ nhưng anh D và chị O không trả.

Đến ngày 30/4/2019, hai bên thống nhất lập giấy nhận nợ với nội dung: "Hôm nay ngày 30/4/2019, tôi tên là: BĐD, Số CM: 241354125, vợ NTO, CMND: 240603999, còn nợ lại PĐHAsố tiền 120.000.000đ. Một trăm hai mươi triệu chẵn, hẹn đến ngày 15/6/2019 trả nợ trên. Người nhận nợ: BĐD, NTO".

Giấy nhận nợ do anh D viết, Chữ viết: BĐD dưới mục người nhận nợ do anh D ký và viết ra, Chữ ký chữ viết NTO D ưới mục người nhận nợ do chị NTO ký và viết ra.

Anh A đã nhiều lần yêu cầu anh D , chị O trả tiền nhưng anh D , chị O không trả. Do vậy, Anh Alàm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Anh Bùi D và chị Nguyễn O trả cho Anh Asố tiền vay gốc là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Về tiền lãi suất: Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2019 Anh Acó yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, tuy nhiên tại phiên tòa Anh Akhông yêu cầu anh D và chị O phải trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn và triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh BĐD, chị NTO vắng mặt không có lý do. Áp dụng khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt anh BĐD, chị NTO. Căn cứ Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Nguyên đơn Anh A đề nghị HĐXX tuyên buộc Anh Bùi D và chị Nguyễn O trả cho Anh A số tiền vay gốc là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Về tiền lãi suất: Anh A không yêu cầu Tòa án tính lãi suất; Về tiền chi phí giám định: Anh A yêu cầu anh D , chị O trả lại cho Anh Asố tiền chi phí giám định 4.320.000 đồng.

- Bị đơn anh BĐD, chị NTO vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại BLTTDS; trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng không lên Tòa giải quyết, là vi phạm Điều 70, Điều 72, Điều 227 BLTTDS;

Về nội dung đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Áp dụng Điều 463; Khoản 1 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh A. Buộc bị đơn BĐD và NTO phải trả cho Anh A số tiền vay gốc 120.000.000 đồng. Về lãi suất Anh A không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Tại thời điểm Anh A khởi kiện, bị đơn anh BĐD, chị NTO đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, Nơi cư trú hiện nay: Thôn A, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh A yêu cầu bị đơn anh BĐD, chị NTO trả cho Anh Asố tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) tiền vay gốc, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 03/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc nhận đơn khởi kiện của Anh A, kèm theo đơn khởi kiện, Anh Acung cấp chứng cứ 01 giấy nhận nợ đề ngày 30/4/2019, với nội dung: "Hôm nay ngày 30/4/2019, tôi tên là: BĐD, Số CM: 241354125, vợ NTO, CMND: 240603999, còn nợ lại PĐHAsố tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu chẵn), hẹn đến ngày 15/6/2019 trả nợ trên. Người nhận nợ: BĐD, NTO".

Trong quá trình tham gia tố tụng, tại bản tự khai ngày 05/8/2019 (Bút lục số 21) Anh A cho rằng số tiền 120.000.000đ trong giấy nhận nợ là số tiền Anh Acho anh D và chị O vay vào thời gian tháng 01/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã triệu tập hợp lệ để anh Bùi D và chị Nguyễn O tham gia tố tụng để lập bản tự khai, trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên anh D và chị O vắng mặt không có lý do.

Để có căn cứ pháp lý giải quyết vụ án, ngày 16/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 30/2019/QĐ-CCTLCC (Bút lục số 27) và tống đạt hợp lệ quyết định cho bị đơn. Theo quyết định, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc yêu cầu Anh Bùi D và chị Nguyễn O cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc các tài liệu chứng cứ liên quan đến Giấy nhận nợ giữa Anh A và vợ chồng anh BĐD, chị NTO lập ngày 30/4/2019, cụ thể các tài liệu liên quan đến vay và trả nợ số tiền 120.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 30/4/2019. Thời hạn cung cấp các tài liệu, chứng cứ là 15 ngày nhưng anh D và chị O không cung cấp.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 09/2019/QĐ-TCGĐ với hai nội dung:

- Giám định chữ ký và chữ viết BĐD dưới mục người nhận nợ, trong giấy nợ tiền đề ngày 30 tháng 4 năm 2019 so với chữ ký và chữ viết BĐD trong phiếu điều tra khảo sát người chấp hành xong án phạt tù; Chữ ký, chữ viết BĐD trong bản tự kiểm điểm ngày 05/9/2016; Chữ ký, chữ viết BĐD trong biên bản giao Thông báo về việc

thụ lý vụ án ngày 12 tháng 7 năm 2019 có phải chữ ký và chữ viết của cùng một người ký và viết ra không.

- Giám định chữ ký và chữ viết NTO D ưới mục người nhận nợ, trong giấy nợ tiền đề ngày 30 tháng 4 năm 2019 so với chữ ký và chữ viết NTO trong 02 biên bản giao (Biên bản giao ngày 11/7/2019 và biên bản giao ngày 30/7/2019) của TAND huyện Krông Pắc xem có phải chữ ký và chữ viết của cùng một người ký và viết ra không.

Tại bản kết quả giám định số 115/CP09 ngày 23/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

1. "Chữ ký và chữ viết mang tên BĐD dưới mục người nhận nợ trong giấy nhận nợ đề ngày 30 tháng 4 năm 2019 (Ký hiệu A1) so với chữ ký chữ viết đứng tên BĐD trong các tà liệu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra."

2. "Chữ ký và chữ viết mang tên NTO D ưới mục người nhận nợ trong giấy nhận nợ đề ngày 30 tháng 4 năm 2019 (Ký hiệu A1) so với chữ ký chữ viết đứng tên NTO trong các tà liệu so sánh ký hiệu M4, M5 là do cùng một người ký và viết ra."

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai do Anh Alập ngày 05/8/2019, Bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk lắk số 115/PC09 ngày 23/10/2019, HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh: Tính đến thời điểm ngày 30/4/2019, anh BĐD, chị NTO còn nợ của Anh A số tiền 120.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 30/4/2019. Theo giấy nhận nợ hai bên thỏa thuận: Vợ chồng anh D , chị O phải trả số tiền 120.000.000 đồng cho Anh Avào ngày 15/6/2019. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, anh D và chị O không trả tiền cho Anh Alà vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Anh A là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh A . Buộc bị đơn BĐD và NTO phải trả cho Anh A số tiền 120.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền lãi suất: Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2019 Anh Ayêu cầu anh D, chị O phải trả khoản lãi suất đối với số tiền 120.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa Anh A không yêu cầu anh D và chị O phải trả lãi suất nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về tiền chi phí tố tụng giám định chữ ký, chữ viết: Do anh D chị O không tham gia tố tụng, ngày 23/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc Trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của anh D , chị O theo giấy nhận nợ ngày 30/4/2019 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Số tiền chi phí giám định phải trả cho Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk là 4. 320.000 đồng (Bút lục số 44), số tiền này Anh A đã nộp và Tòa án đã trả đủ cho Công an tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 161 BLTTDS quy định: "Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định. Nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu giám định là có căn cứ. Trường hợp kết quả giám định chứng minh yêu cầu trưng cầu giám định chỉ có căn cứ một phần thì người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định tương ứng với phần yêu cầu đã được chứng minh là có căn cứ". Xét thấy, tại Kết luận giám định thì chữ ký, chữ viết của anh D , chị O trong giấy nhận nợ ngày 30/4/2019 là do anh D , chị O ký và viết ra, nên HĐXX buộc anh D, chị O phải trả cho anh Hải Anh số tiền 120.000.000đ. Căn cứ điều luật viện dẫn nêu trên, HĐXX buộc anh BĐD, chị NTO phải trả cho Anh A số tiền 4.320.000 đồng chi phí giám định là đúng với luật định

[4] Về án phí: Do HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh D , chị O phải trả cho Anh Asố tiền 120.000.000 đồng nên anh D , chị O phải chịu 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo mức 120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 đồng.

Hoàn trả cho Anh A số tiền 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chị cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0000380 ngày 05/7/2019.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 161; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Áp dụng Điều 463; Khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh A. Buộc vợ chồng anh BĐD, chị NTO phải trả cho Anh A số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

[2] Về lãi suất: Anh A không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về chi phí giám định: Buộc Anh Bùi D và chị Nguyễn O phải trả lại cho Anh A số tiền 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

[4] Về án phí: Bị đơn Anh Bùi D và chị Nguyễn O phải chịu 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Anh A số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chị cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0000380 ngày 05/7/2019.

[5]Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn Anh A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị đơn anh BĐD, chị NTO được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Quang Vinh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Thi hành án DS huyện KP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.